TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2022/DS-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thảo Vân-thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2021/TLST-DS về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-DS ngày 05/4/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T. Địa chỉ: đường N, phường 8, quận 3, tp. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: đường Đ, Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền: ông Phan Ngọc C, chuyên viên khách hàng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm: 1971. Địa chỉ: đường D, phường Đ, quận L, Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/02/2015, ông Nguyễn Đức N ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ vào thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VISA, hạn mức 40.000.000 đồng, với mức lãi suất, phí theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng kèm theo. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N đã thực hiện nhiều giao dịch với số tiền các lần giao dịch là: 1.627.842.941 đồng và thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 1.592.742.300 đồng. Sau đó, ông N không tiếp tục thanh toán và mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông N không có thiện chí trả nợ. Ngày 05/11/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29/4/2022, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền: 78.235.670 đồng, trong đó nợ gốc là 45.966.890 đồng và nợ lãi 32.268.780 đồng.

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông Nguyễn Đức N thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2022 là: 78.235.670 đồng, trong đó nợ gốc là 45.966.890 đồng và nợ lãi 32.268.780 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, và Thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng, bị đơn ông Nguyễn Đức N đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đức N trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 BLTTDS và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: tại thời điểm ký kết hợp đồng, bị đơn ông Nguyễn Đức N có địa chỉ tại đường D, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng và ông N Trần thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tìm kiếm ông ông Nguyễn Đức N trên phương tiện thông tin đại chúng và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Đức N.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với tiền nợ gốc và nợ lãi:

[4.1] Giữa ông Nguyễn Đức N và Ngân hàng có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với mục đích phục vụ cho tiêu dùng. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 13 đến Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (Thông tư số 19) nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch, qua đó để xác định ông Nguyễn Đức N có quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

[4.2] Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thì không có thời hạn sử dụng thẻ. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Đức N đã vi phạm phân kỳ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện ông N thanh toán toàn bộ số tiền nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4.3] Tại bản trình bày ngày 29/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định tạm tính đến ngày 29/4/2022, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền: 78.235.670 đồng, trong đó nợ gốc là 45.966.890 đồng và nợ lãi 32.268.780 đồng. HĐXX xét thấy: ông Nguyễn Đức N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Đức N có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2022 là 78.235.670 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 45.966.890 đồng, nợ lãi: 32.268.780 đồng và lãi tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Nguyễn Đức N trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã ký kết là có cơ sở và phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 13 và 15 Thông tư số 19 nên HĐXX chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 157,158, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 4 Điều 13, Điều 15, 16 và 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T buộc ông Nguyễn Đức N phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2022 là 78.235.670 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 45.966.890 đồng, nợ lãi: 32.268.780 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.911.783 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 1.543.568 đồng theo biên lai thu số 0001581 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hưng